

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

TT		Tổng số	Các khoản thuế								Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Thu hồi tiền hoàn thuế GTGT	Thu nộp NSNN khác	
			GTGT	TNDN	XNK	TTDB	Nhà đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT						Thuế khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2023; Chuyên đề việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 giai đoạn 2021-2023; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do các cơ quan Trung ương quản lý giai đoạn 2020-2023 tại Bộ Y tế	62.194.448.701	8.249.405.815	34.343.068.493				4.972.376.068						305.494.506		14.324.103.819
4	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2023 của Bệnh viện Bạch Mai	2.461.790.059		366.055.500												2.095.734.559
V	Kiểm toán nhà nước chuyên ngành IV	7.929.000.000														7.929.000.000
1	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối tuyến Quán Lộ - Phụng Hiệp, tỉnh Sóc Trăng	7.929.000.000														7.929.000.000
VI	Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V	57.001.372.157	351.587.355	14.727.337.163		721.357.355		10.192.000				7.954.053.374	22.460.661	1.258.950.254		31.955.433.995
1	Báo cáo Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 tại Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị	47.799.417.264	351.587.355	14.727.337.163		721.357.355		10.192.000					22.460.661	11.048.735		31.955.433.995
2	Kiểm toán chuyên đề Quy hoạch cảng hàng không, hoạt động đầu tư nâng cấp, mở rộng một số dự án cảng hàng không hiện hữu trong điểm theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	1.075.653.390												1.075.653.390		
3	Báo cáo Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Cảng Hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1	7.954.053.374										7.954.053.374				
4	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư khai thác phân dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm - Công ty than Hà Lâm (điều chỉnh)	172.248.129												172.248.129		
VII	Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI	177.926.035.254	1.681.393.949	73.610.579.270				5.599.744.887	2.703.816.773	8.179.585.804	8.446.701.670	2.797.131.900		338.453.710		74.568.627.291
1	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 tại Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	35.664.263.037	389.782.110	24.924.483.831				1.689.326.622						8.430.493.565	230.176.909	
2	Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý giá điện giai đoạn 2022-2023	8.179.585.804								8.179.585.804						
3	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 tại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	109.984.158.351	358.897.924	35.602.717.396				742.158.477	2.703.816.773			2.797.131.900		33.134.535		67.746.301.346
4	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 tại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	20.011.349.742	858.335.918	9.110.058.697				3.168.259.788						36.161.289		6.822.325.945

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TẶNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

TT		Tổng số	Các khoản thuế								Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Thu hồi tiền hoàn thuế GTGT	Thu nộp NSNN khác	
			GTGT	TNDN	XNK	TTDB	Nhà đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT						Thuế khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 tại Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP	4.086.678.320	74.377.997	3.973.319.346										38.980.977		
VIII	Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VII	26.979.141.887	2.592.052.333	23.898.666.600				249.453.769					238.969.185			
1	Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Kiểm toán chuyên đề chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ	1.064.971.531	182.162.857	827.597.973				55.210.701								
2	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam; Kiểm toán chuyên đề chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ	19.137.533.003	2.181.480.000	16.956.053.003												
3	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Kiểm toán chuyên đề chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ	606.108.530	3.830.395	488.295.063				113.983.072								
4	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam	46.612.398											46.612.398			
5	Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 của Tập đoàn Bảo Việt	6.123.916.425	224.579.081	5.626.720.561				80.259.996					192.356.787			
IX	Kiểm toán nhà nước khu vực I	3.342.044.203		2.116.000				23.834.000				3.111.429.383				204.664.820
1	Kiểm toán ngân sách địa phương và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Hà Nam	2.918.559.476										2.901.302.446				17.257.030
2	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 và các chuyên đề lồng ghép của Thành phố Hà Nội	423.484.727		2.116.000				23.834.000				210.126.937				187.407.790
X	Kiểm toán nhà nước khu vực II	3.798.230.045	23.125.969	1.635.724.613					597.572.640			417.352.320		1.124.454.503		
1	Báo cáo kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Diên Châu - Bãi Vọt thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	424.454.503												424.454.503		
2	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Thừa Thiên Huế	3.070.648.758		1.355.723.798					597.572.640			417.352.320		700.000.000		

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

TT		Tổng số	Các khoản thuế								Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Thu hồi tiền hoàn thuế GTGT	Thu nộp NSNN khác	
			GTGT	TNDN	XNK	TTDB	Nhà đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT						Thuế khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Báo cáo kiểm toán NSDP và Báo cáo quyết toán NSDP năm 2023 tỉnh Quảng Bình; chuyên đề Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Quảng Bình	303.126.784	23.125.969	280.000.815												
XI	Kiểm toán nhà nước khu vực III	54.161.251.529	836.736.622	3.954.229.026						159.433.802				50.162.078		49.160.690.001
1	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Quảng Nam; Kiểm toán chuyên đề Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Quảng Nam	1.446.125.047	47.257.210	872.501.657						159.433.802				50.162.078		316.770.300
2	Kiểm toán Hoạt động quản lý, bảo tồn và phát triển các di tích, di sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	1.458.230.613	789.479.412													668.751.201
3	Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Bình Định; Kiểm toán chuyên đề Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Bình Định; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Bình Định	51.256.895.869		3.081.727.369												48.175.168.500
XII	Kiểm toán nhà nước khu vực IV	1.824.694.687.361	3.391.846.353	25.917.361.681			161.564.300.171	547.945.160	44.820.000		33.555.184.111		71.804.750	172.703.694		1.599.428.721.441
1	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động năm 2023 và việc trích lập, sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp giai đoạn 2019 – 2023 tại các Bệnh viện công lập thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	2.567.934.982	323.615.024	2.215.198.051				29.121.907								
2	Báo cáo kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2023; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2021-2023	1.809.660.112.787	2.777.951.885	21.698.240.643			161.564.300.171	496.676.092			33.555.184.111		71.804.750	172.703.694		1.589.323.251.441
3	Kiểm toán ngân sách địa phương và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Long An	12.466.639.592	290.279.444	2.003.922.987				22.147.161	44.820.000							10.105.470.000
XIII	Kiểm toán nhà nước khu vực V	38.452.265.733		5.759.302.818												32.692.962.915
1	Báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Kiên Giang;	12.671.622.320														12.671.622.320
2	Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Sóc Trăng	17.024.195.921		3.973.366.448												13.050.829.473
3	Kiểm toán Chuyên đề Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Hậu Giang; kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Hậu Giang	8.713.138.902		1.742.627.780												6.970.511.122
4	Kiểm toán ngân sách địa phương 2023 của tỉnh Bạc Liêu	43.308.590		43.308.590												
XIV	Kiểm toán nhà nước khu vực VII	5.909.189.101														5.909.189.101

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

TT		Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Thu hồi tiền hoàn thuế GTGT	Thu nộp NSNN khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTDB	Nhà đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2021 - 2023 tại tỉnh Nam Định và Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Nam Định	68.705.297	7.577.617	61.127.680												
3	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2021 - 2023 tại tỉnh Thái Bình và Kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Thái Bình	127.007.448	62.972.014	64.035.434												
XIX	Kiểm toán nhà nước khu vực XII	307.459.000	23.227.000	120.894.000				15.886.000				147.452.000				
1	Báo cáo kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Đắk Nông và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí của dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai tại tỉnh Đắk Nông	130.874.000	23.227.000	25.161.000				15.886.000				66.600.000				
2	Kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2023 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí của dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh Kon Tum	176.585.000		95.733.000								80.852.000				
XX	Kiểm toán nhà nước khu vực XIII	298.281.750.694	2.235.953.239	10.878.989.188				3.999.867	501.822.858	1.603.273.684		1.431.291.569	1.627.145.689	1.007.210.123		278.992.064.477
1	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2023 của tỉnh Đồng Nai và lồng ghép các chuyên đề "Quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Đồng Nai"; chuyên đề "Kiểm toán việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Đồng Nai"	247.462.166.139	10.024.688	435.816.354						1.603.273.684						245.413.051.413
2	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 và chuyên đề Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 tại tỉnh Bình Thuận	10.430.556.949	2.220.064.998	2.420.471.975												5.790.019.976
3	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2023 tại Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	5.574.749.198	5.863.553	2.514.916.777					275.371.068			144.241.988	1.627.145.689	1.007.210.123		
4	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Bình Phước	26.750.212.210		3.001.795.947								1.196.796.781				22.551.619.482
5	BÁO CÁO KIỂM TOÁN CHUYÊN ĐỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU 2021-2023; CHUYÊN ĐỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN 2021-2023; CHUYÊN ĐỀ VIỆC THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TƯ NGÀY 25/10/2017 CỦA BCHTW 2021-2023 TẠI TỈNH BÀ RIA - VŨNG TÀU	7.055.638.051		1.501.559.855					226.451.790			90.252.800				5.237.373.606

